CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dịch vụ Bến Thành

Ngày 30/09/2025	13,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.0%	**0.0%**	**0.0%**

DT thuần
Q3/25
6.10
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.54| 138%
YoY: ▲ 2.82| 86.0%

LN thuần
Q3/25
0.83
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01| -1.2%
YoY: ▲ 0.20| 31.8%

LN sau thuế
Q3/25
0.65
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01| -1.5%
YoY: ▲ 0.16| 32.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
13.6%
YoY: +/-▼ 19.4%

ROE (TTM)
Q3/25
6.1%
YoY: +/-▲ 0.3%

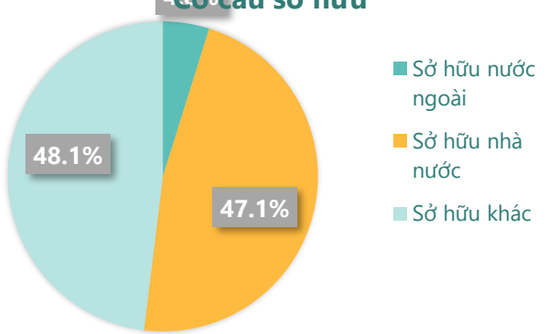
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	13,600 - 13,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	43
Số lượng CPLH (CP)	3,150,747
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	4.8%
Beta	0.00
EPS	768
P/E	17.7

DT thuần
9T 2025
11.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.33| 40.5%

LN thuần
9T 2025
2.44
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.32| 15.3%

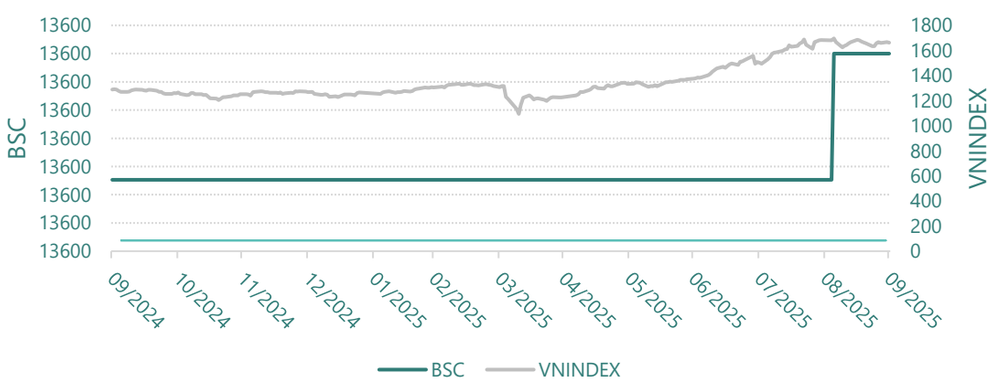
LN sau thuế
9T 2025
1.91
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.26| 15.8%

Cơ cấu sở hữu

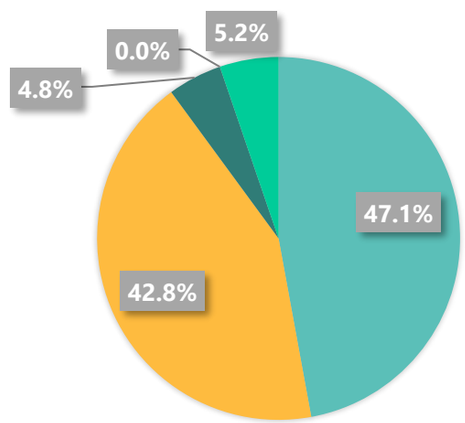


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

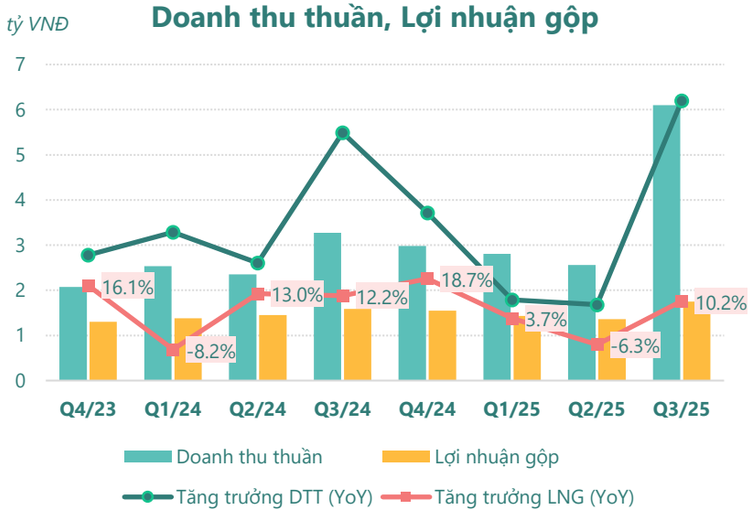


Tổng Công ty Bến Thành - TNHH MTV
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải
Bùi Minh Tuấn
Hoàng Phong Giao
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

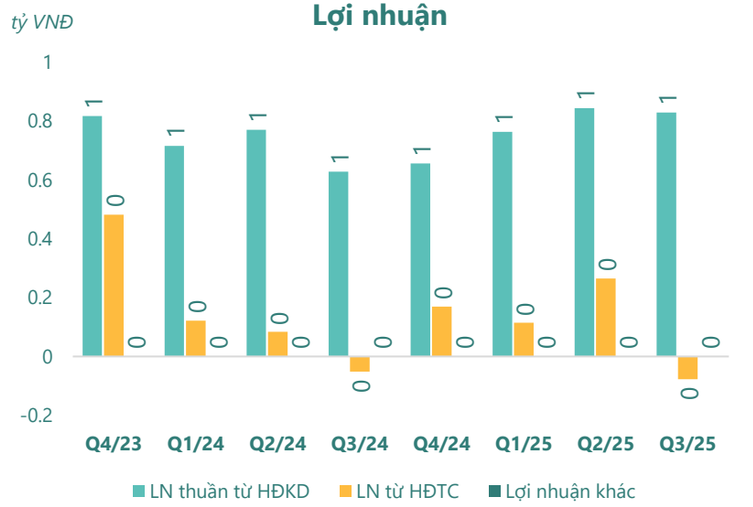
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



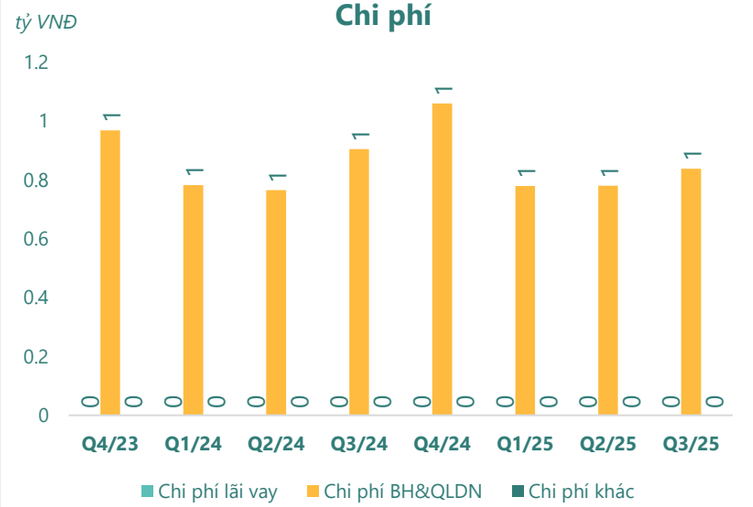
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



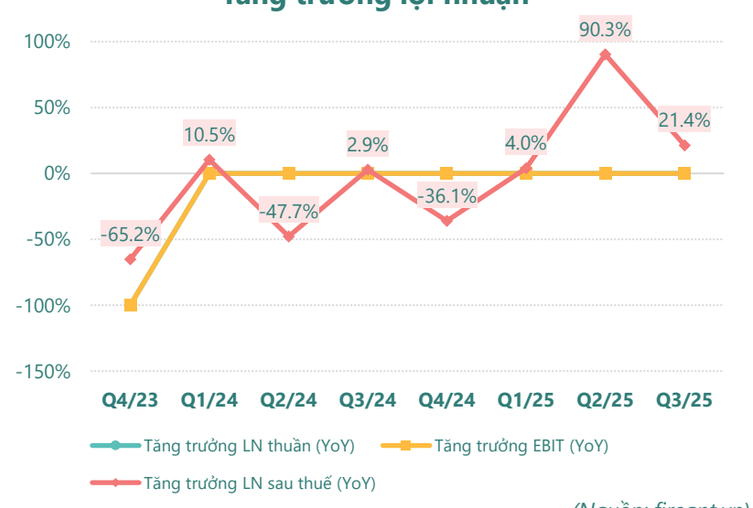
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



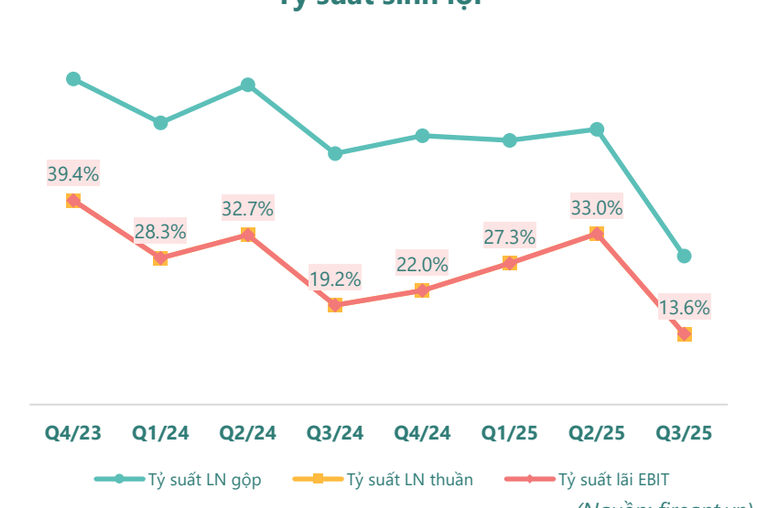
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



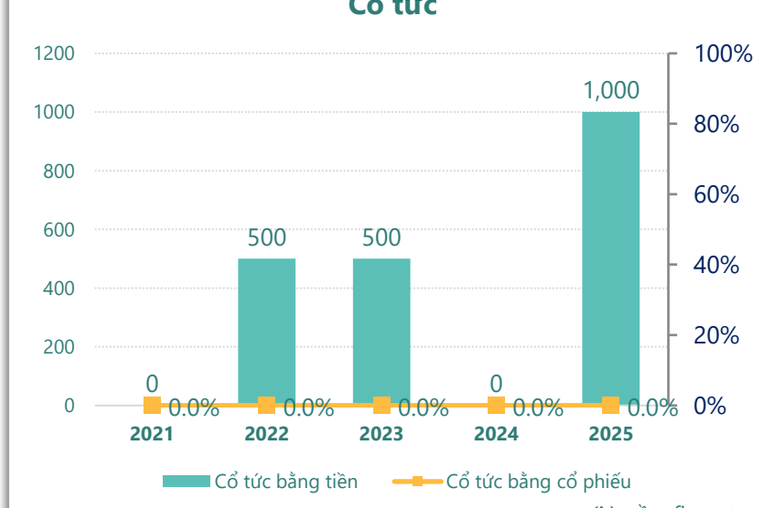
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

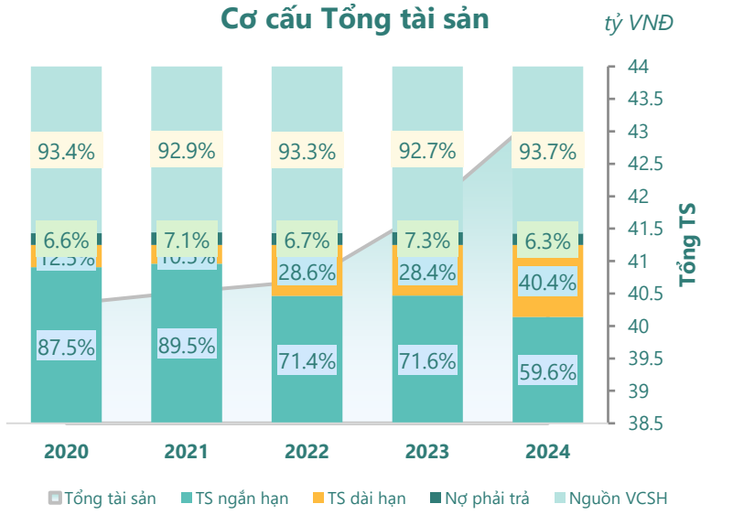
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

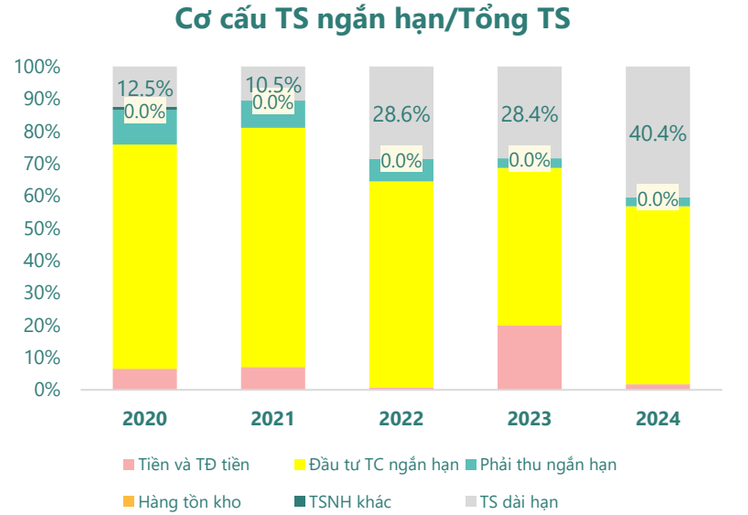
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



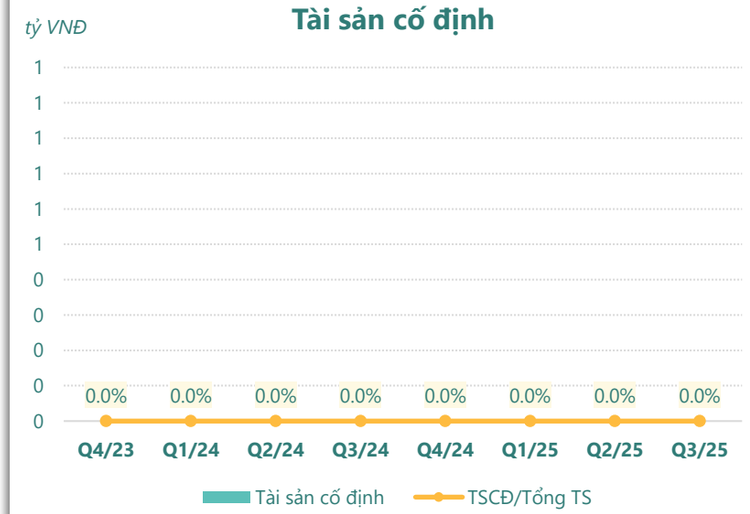
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



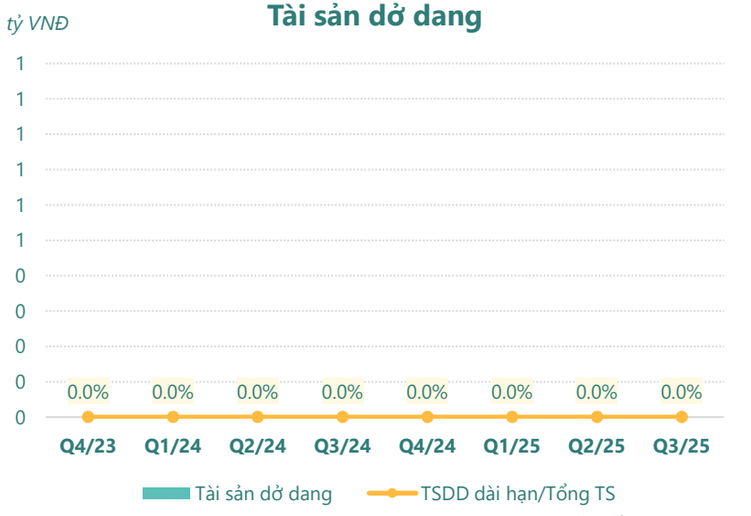
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



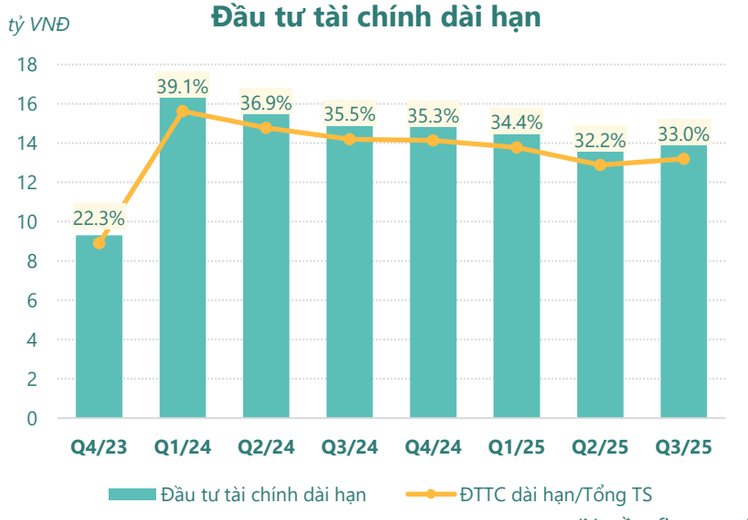
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



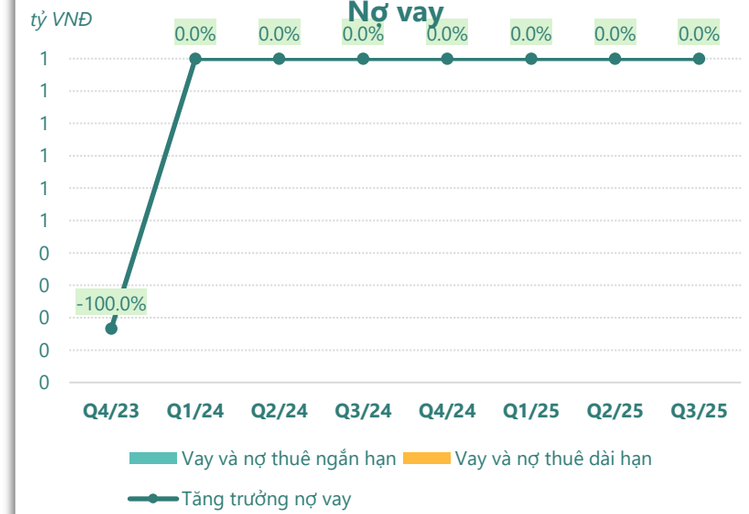
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

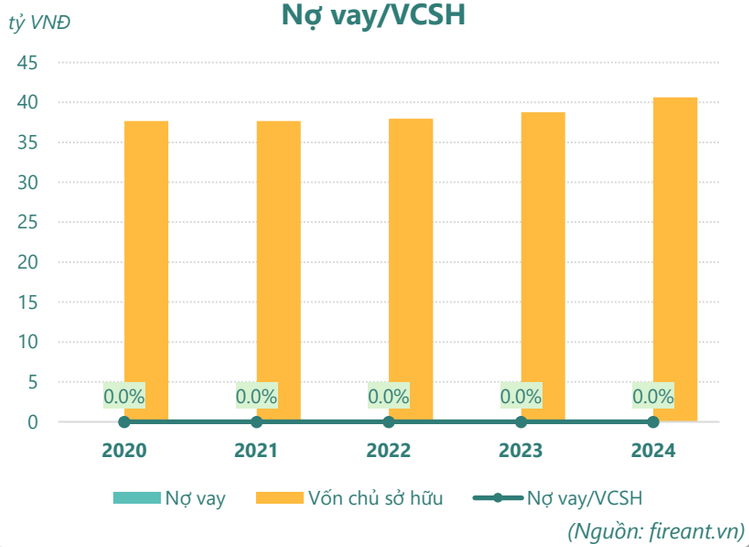
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

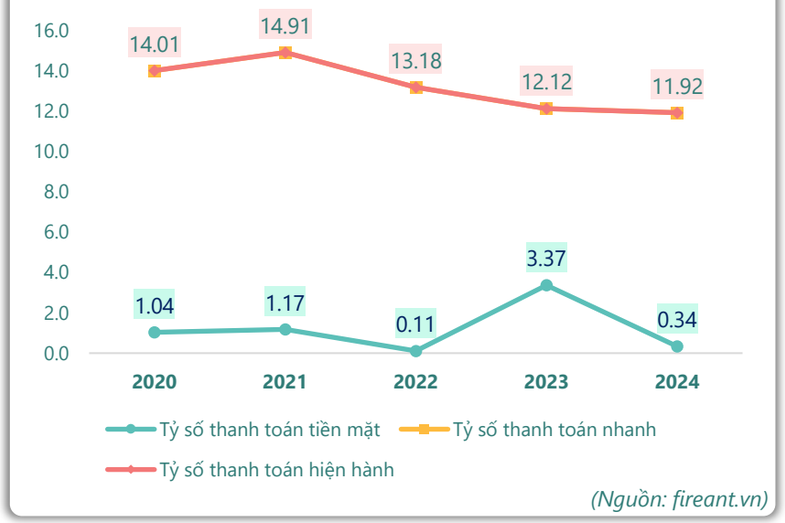
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



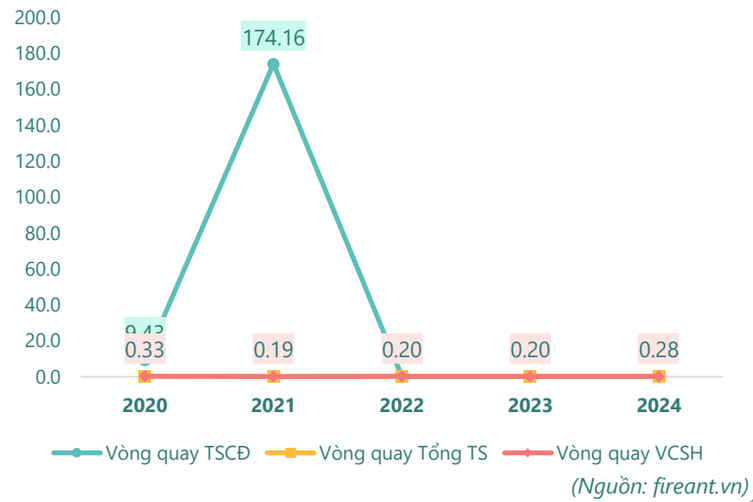
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



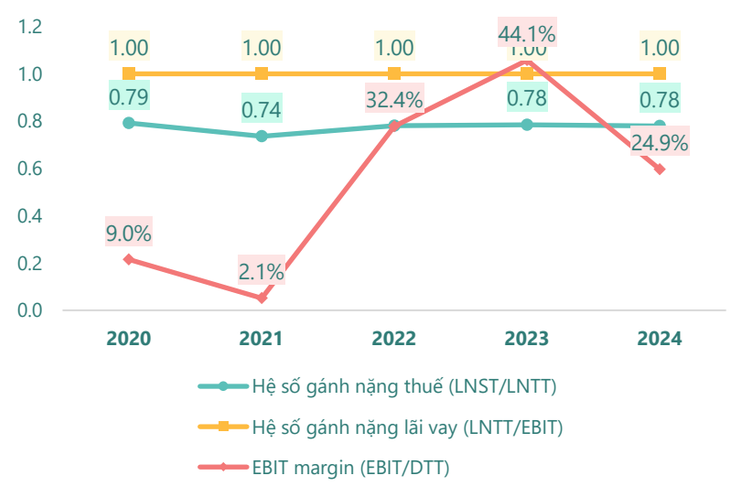
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



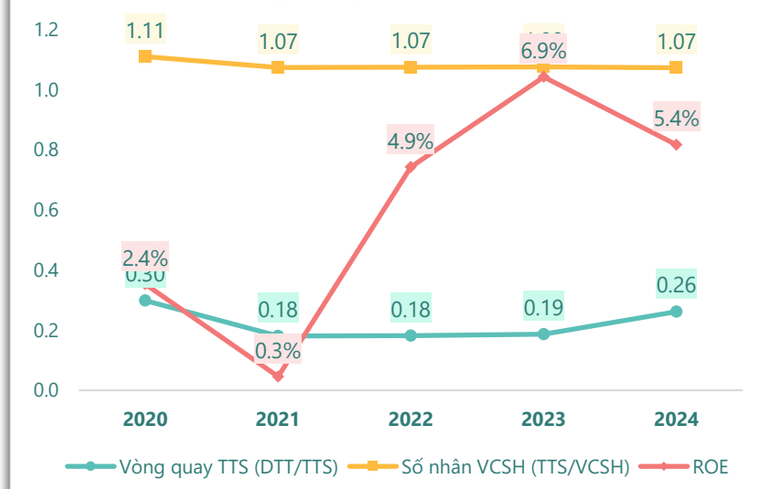
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



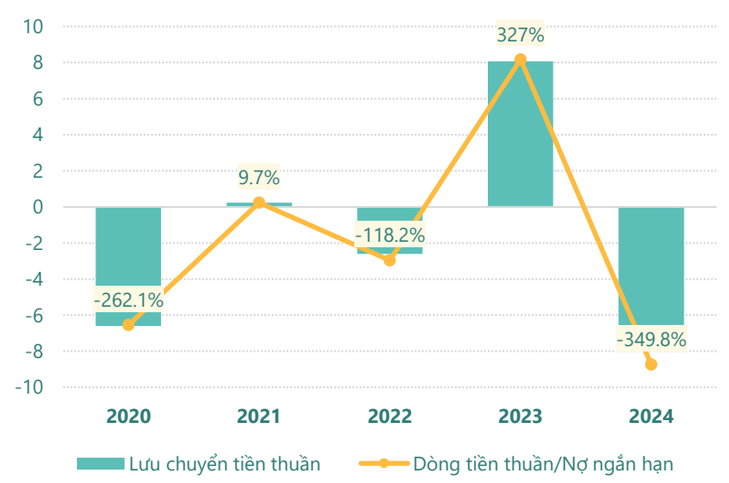
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6.10**	**3.28**	**86.0%**	**11.5**	**8.17**	**40.5%**
Giá vốn hàng bán	4.35	1.69	158%	6.93	3.75	84.9%
Lợi nhuận gộp	1.75	1.59	9.9%	4.54	4.42	2.7%
Doanh thu HĐTC	0.28	0.43	-35.1%	1.41	1.50	-6.2%
Chi phí TC	0.36	0.49	-27.2%	1.10	1.35	-18.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.84**	**0.91**	**-7.8%**	**2.40**	**2.45**	**-2.2%**
LN thuần từ HĐKD	0.83	0.63	31.8%	2.44	2.12	15.3%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	0.83	0.63	31.8%	2.44	2.12	15.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.65**	**0.49**	**32.7%**	**1.91**	**1.65**	**15.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.65**	**0.49**	**32.7%**	**1.91**	**1.65**	**15.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.93	1.38	-0.23	2.64	0.45	-1.68
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.39	-2.50	0.55	-1.49	1.33	0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.97	1.52	0.40	0.73	1.87	3.66
Lưu chuyển tiền thuần	**0.55**	**-1.12**	**0.33**	**1.14**	**1.78**	**-1.63**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.52	0.40	0.73	1.87	3.66	2.03

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**44.1**	**43.4**	**1.7%**
Tài sản ngắn hạn	27.8	25.8	7.6%
Tiền và tương đương tiền	2.03	0.73	178%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.5	23.9	2.5%
Phải thu ngắn hạn	1.28	1.22	5.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**16.3**	**17.5**	**-6.9%**
Phải thu dài hạn	0.05	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	1.04	1.12	-6.8%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	14.6	15.3	-5.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.69**	**1.10**	**-37.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5.01	2.75	82.0%
Nợ ngắn hạn	**4.43**	**2.17**	**104%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.29	0.08	284%
Nợ dài hạn	0.58	0.59	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**39.1**	**40.6**	**-3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**39.1**	**40.6**	**-3.7%**
Vốn điều lệ	31.5	31.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)